



xī miàn

西面

noun · west side; west

Example Sentences

xué xiào zài xī miàn

学校在西面。

The school is on the west side.

fáng zi de xī miàn yǒu yí gè xiǎo huā yuán

房子的西面有一个小花园。

There is a small garden on the west side of the house.

cóng xī miàn kàn zhè zuò shān xiǎn de gé wài zhuàng guān

从西面看，这座山显得格外壮观。

Viewed from the west, this mountain looks especially magnificent.

Trace each character, then write the word on your own.

西	西	西	西	西	西	西	西	西			
面	面	面	面	面	面	面	面	面	面	面	
面											